**Ngày soạn**: 01/8/2023

**TIẾT 68: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**ÔN TẬP CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu bài dạy:** Sau bài học, HS sẽ:

**1. Kiến thức**

- Nhận diện được các biện pháp tu từ xuất hiện trong văn bản qua các ngữ cảnh cụ thể.

- Phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ trong văn bản/ ngôn bản.

**2. Năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

- Năng lực riêng biệt: Biết cách vận dụng các biện pháp tu từ để rèn luyện kĩ năng đọc- hiểu VB nói chung, VB thơ nói riêng, đồng thời rèn luyện kĩ năng tạo lập VB.

**3. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu văn học; nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học:** SGK, SGV, máy tính, máy chiếu….

**2. Học liệu:** phiếu bài tập, thẻ trò chơi, bút dạ, bộ câu hỏi trắc nghiệm, bút màu.

# III. Tiến trình dạy học

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS tiếp cận bài học và tái hiện lại về các BPTT đã học.

**b. Nội dung:** HS chơi trò chơi “ghép đôi” để ôn tập lại các biện pháp tu từ đã biết.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời ghép đôi của HS.

# d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **GV chuẩn bị 10 tấm thẻ**: 05 tấm ghi tên biện pháp tu từ; 05 phiếu ngữ liệu có sử dụng biện pháp tu từ tương ứng.  **GV chọn 10 HS chơi trò ghép đôi**, GV làm quản trò, phát cho mỗi HS 1 tấm thẻ và yêu cầu xếp thành vòng tròn vừa di chuyển xung quanh quản trò vừa hát.  **Khi nào quản trò hô “ghép đôi, ghép đôi”** thì các bạn phải tìm một bạn ghép đôi với mình sao cho thẻ biện pháp tu từ phải đúng với thẻ ngữ liệu SD biện pháp tu từ đó.  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  Các HS nhận thẻ, hát và di chuyển, chọn bạn ghép đôi.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  HS lí giải việc chọn bạn ghép đôi và xác định đúng BPTT.  **\* Dự kiến SP:** 1. Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng,Thấy một *mặt trời* trong lăng rất đỏ.(Ẩn dụ)*Tôi muốn* tắt nắng đi,*Cho* màu đừng nhạt mất.*Tôi muốn* buộc gió lại,*Cho* hương đừng bay đi.(Lặp cấu trúc)3. Áo bào thay chiếu *anh về đất*Sông Mã gầm lên khúc độc hành. **( Nói giảm nói tránh)** 4. Trên trời mây trắng như bông, Ở giữa cánh đồng bông trắng như mây  **(So sánh)**  **5.** *Tre, nứa, trúc, mai, vầu* mấy chục loại khác nhau, nhưng cùng chung một mầm non măng mọc thẳng.  **(Liệt kê)**  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV nhận xét, chốt kiến thức qua phần khởi động, giới thiệu một số tri thức liên quan đến các BPTT để vận dụng giải bài tập. | **1. Một số tri thức liên quan**  **- Các biện pháp tu từ đã học:**  + Nhóm BPTT dựa trên quan hệ liên tưởng: So sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa.  + Nhóm các BPTT dựa trên quan hệ kết hợp: điệp ngữ, đảo ngữ, liệt kê, chêm xen, nói quá, nói giảm nói tránh.  - **Các BPTT được học trong chương trình ngữ văn 11 tập 1**: lặp cấu trúc, đối.  - **Cách làm các câu hỏi liên quan xác định và phân tích tác dụng của BPTT:**  **+** HS nêu tên biện pháp tu từ.  + HS chỉ rõ biểu hiện/dấu hiệu của BPTT  + HS phân tích hiệu quả của BPTT:   * Làm tăng sức thuyết phục/ giàu tính gợi hình, gợi cảm/ giàu nhịp điệu… * Nhấn mạnh vào nội dung đoạn trích…. * Qua đó, thể hiện thái độ, tình cảm/ dụng ý của tác giả… |

# 10 tấm thẻ trò chơi lần lượt như sau:

# SO SÁNH

# NÓI GIẢM NÓI TRÁNH

# LẶP CẤU TRÚC

# LIỆT KÊ

# ẨN DỤ

# Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng,

# Thấy một *mặt trời* trong lăng rất đỏ.

# *Tôi muốn* tắt nắng đi,

# *Cho* màu đừng nhạt mất.

# *Tôi muốn* buộc gió lại,

# *Cho* hương đừng bay đi.

# Áo bào thay chiếu *anh về đất*

# Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

# Trên trời mây trắng như bông,

# Ở giữa cánh đồng bông trắng như mây

# *Tre, nứa, trúc, mai, vầu* mấy chục loại khác nhau, nhưng cùng chung một mầm non măng mọc thẳng.

# HOẠT ĐỘNG 2. BÀI TẬP THỰC HÀNH

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện được các biện pháp tu từ xuất hiện trong văn bản qua các ngữ cảnh cụ thể.

- Phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ trong văn bản/ ngôn bản.

**b. Nội dung:** HS làm việc nhóm, làm việc cá nhân thực hiện các yêu cầu bài tập trong SGK.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS/nhóm HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  **Nhiệm vụ 1:** HS làm việc cá nhân làm bài 1, 2 SGK trang 43, 44 (Phiếu học tập số 1)  **Nhiệm vụ 2:** GV chia HS thành cách nhóm thực hiện yêu cầu bài 3, 4 trong SGK (VD: nhóm 1,2,3- Bài 3; nhóm 4,5,6- bài 4)  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  ***- Nhiệm vụ 1:*** HS suy nghĩ, làm bài tập ra PHT (số 01)  ***- Nhiệm vụ 2:*** HS thảo luận nhóm ghi kết quả thảo luận ra giấy A0.  ***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  **- Nhiệm vụ 1:** GV gọi đại diện 2-3 HS trình bày, HS khácnhận xét bổ sung.  **- Nhiệm vụ 2:** GV gọi đại diện mỗi nhóm lên trình bày 1 bài, các nhóm khác lắng nghe, góp ý.  ***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***  GV cho HS tự đánh giá ý thức làm việc nhóm, sau đó tổng hợp và nhận xét, chốt kiến thức. | **Bài 1:**  Các biện pháp tu từ được sử dụng trong các từ ngữ được in đậm ở đoạn thơ trên là:  - Biện pháp nhân hóa: *nàng trăng tự ngẩn ngơ.*  - Biện pháp đảo ngữ: *Đã vắng người sang những chuyến đò* (Những chuyến đò đã vắng người sang)  => Tác dụng:  - Làm cho các hình ảnh thơ sinh động, hấp dẫn, gây ấn tượng với người đọc.  - Nhấn mạnh vào những hình ảnh đặc trưng nhất của mùa thu: là ánh trăng, là thời tiết se se lạnh; tạo nên một bức tranh mùa thu  - Qua đó, thể hiện tình cảm của nhà thơ  **Bài 2:**  Các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ trên là:  + Lặp cấu trúc: Sông Đáy ơi, sông Đáy ơi.  + So sánh:  Sông Đáy chảy vào đời tôi/Như mẹ tôi gánh nặng rẽ vào ngõ sau mỗi buổi chiều đi làm về vất vả; Năm tháng sống xa quê tôi như người bước hụt; Mẹ tôi đã già như cát bên bờ.  => Tác dụng:  - Với các BPTT trên, bài thơ có yếu tố sẽ trở nên dễ hiểu, dễ hình dung, bởi các hình ảnh tượng trưng nhờ biện pháp so sánh được liên tưởng đến các hình ảnh gần gũi, bình dị và quen thuộc.  - Qua đó, người đọc có thể thấu hiểu được sự gắn bó của nhà thơ với con sông Đáy quê hương và tình cảm sâu nặng dành cho mẹ và quê hương khi xa quê.  **Bài 3:**  Các câu hỏi tu từ trong bài “ Đây thôn Vĩ Dạ” là: *Sao anh không về chơi thôn Vĩ? , Có chở trăng về kịp tối nay?, Ai biết tình ai có đậm đà?*  Tác dụng:  - Chủ yếu là để biểu đạt tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình và sự khẳng định về những gì đang hỏi: đó là cảm xúc nhớ nhung, lưu luyến và sự trăn trở về cảnh vật nên thơ và con người thân thiện nơi thôn Vĩ Dạ xứ Huế.  - Đồng thời các câu hỏi tu từ xuất hiện ở 3 khổ thơ cũng làm cho bài thơ giàu nhịn điệu, đậm chất trữ tình.  **Bài 4:**  - Biện pháp so sánh và lặp cấu trúc trong bài “Tình ca ban mai” là:  +So sánh: em đi-như chiều đi; em về- tựa mai về; tình em- sao khuya; tình ta- lộc biết.  + Lặp cấu trúc: …đi như … đi; tình… như.  - Tác dụng:  + Nhấn mạnh vào bản nhạc tình ca ban mai như một tuyệt tác, có sự hòa quyện giữa tình và cảnh.  + Làm cho các hình ảnh thơ trở nên sinh động, gần gũi, bài thơ giàu nhịp điệu. |

**Phiếu học tập số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01 / Họ và tên HS:** …………………………… **Lớp:** …….. | |
| **Yêu cầu 1: Bài 1- SGK/ Trang 43** | **Yêu cầu 2: Bài 2- SGK/ Trang 44** |
| Xác định và phân tích tác dụng của các BPTT thể hiện trong những từ ngữ in đậm ở khổ thơ dưới đây:  *Thỉnh thoảng* ***nàng trăng tự ngẩn ngơ*** *Non xa khởi sự nhạt sương mờ  Đã nghe* ***rét mướt luồn trong gió***  *Đã vắng người sang những chuyến đò* | Tìm các BPTT được sử dụng trong những dòng thơ dưới đây. Những BPTT ấy có tác dụng biểu đạt như thế nào trong một bài thơ có yếu tố tượng trưng?  Sông Đáy chảy vào đời tôi  Như mẹ tôi gánh nặng rẽ vào ngõ sau mỗi buổi chiều đi làm về vất vả Tôi dụi mặt vào lưng người đẫm mồ hôi mát một mảnh sông đêm Năm tháng sống xa quê tôi như người bước hụt Cơn mơ vang lên tiếng cá quẫy tuột câu như một tiếng nấc Âm thầm vỡ trong tôi, âm thầm vỡ cuối nguồn...  Sông Đáy ơi, sông Đáy ơi…chiều nay tôi trở lại Mẹ tôi đã già như cát bên bờ. |
| Trả lời*: ………………………..*  ………………………………..  ………………………………...  ………………………………... | Trả lời: ………………………………………………………  ………………………………………………………................  …………………………………………………………………  ………………………………………………………………… |

**HOẠT ĐỘNG 3: TỔNG KẾT KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT**

1. **Mục tiêu:** Hệ thống hóa lại kiến thức về BPTT.
2. **Nội dung: HS vẽ sơ đồ tư duy**

**c. Sản phẩm:** sơ đồ tư suy của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt về một số biện pháp tu từ/ cách làm câu hỏi liên qua đến BPTT đã học.

***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS suy nghĩ, thực hành vẽ.

***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

- GV gọi đại diện 1-2 HS trình bày,HS khác góp ý, bổ sung.

**- Dự kiến sản phẩm:**

**Các biện pháp**

**tu từ**

**So sánh**

**Nhân hóa**

**Ẩn dụ**

**Liệt kê**

**Điệp ngữ/ lặp cấu trúc**

**Đảo ngữ**

**Hoán dụ**

**Chêm xen**

**Nói quá/Nói giảm nói tránh**

**Đối**

***\*Bước 4: Kết luận, nhận định***

GV nhận xét, chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 4: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh khắc sâu kiến thức về biện pháp tu từ,

**b. Sản phẩm:** Hoàn thành bài tập củng cố.

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Những lưu ý khi vận dụng kiến thức tiếng Việt**  GV chia sẻ một số lưu ý khi phân tích các BPTT  **2. Củng cố, mở rộng :**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  GV yêu cầu HS làm bài tập bổ trợ (ngoài SGK):  **Xác định và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ có trong các đoạn thơ sau:**  *A. Đau lòng kẻ ở người đi*  *Lệ rơi thấm đá tơ chia rũ tằm*. (Nguyễn Du)  *B. Rễ siêng không ngại đất nghèo*  *Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù*(Nguyễn Duy)  *C. Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*  *Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*  *Ngàn dâu xanh ngắt một màu*  *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*   (Chinh phụ ngâm khúc*)*  *D. Bàn tay ta làm nên tất cả*  *Có sức người sỏi đá cũng thành cơm*  (Chính Hữu)  **( có thể giao về nhà)**  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  HS suy nghĩ, làm bài tập vào vở bài tập.  ***\*Bước 3: Báo cáo thảo luận***  GV gọi 2-3 HS trình bày bài tập trước cả lớp.  ***\*Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:***  GV chấm chữa. | **1. Những lưu ý khi vận dụng kiến thức tiếng Việt**  - Để tránh nhầm lẫn cần nắm vững khái niệm, dấu hiệu nhận biết của từng biện pháp.  - Mỗi biện pháp sẽ tạo ra một hiệu quả nghệ thuật riêng không nêu chung chung về hiệu quả của BPNT.  - Tác dụng của BPNT luôn có sự gắn bó với mạch nội dung của ngữ liệu.  - Khi phân tích tác dụng của BPTT trước hết cần chỉ ra tên biện pháp và biểu hiện của biện pháp trong ngữ liệu (dùng chỗ nào).  **2. Củng cố, mở rộng :**  **Gợi ý làm bài tập:** (HS cần làm cụ thể, chỉ rõ tên BP và biểu hiện cảu BP)  A. Nói quá: thể hiện nỗi đau đớn chia li khôn xiết giữa người đi và kẻ ở.  B. Nhân hoá – ẩn dụ: Phẩm chất siêng năng cần cù của tre như con người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc.  C. Điệp ngữ: Nhấn mạnh không gian xa cách mênh mông bát ngát giưa người đi và kẻ ở. Từ đó tô đậm nỗi sầu chia li, cô đơn của người chinh phụ.  D. Hoán dụ: bàn tay để chỉ con người. |

**Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn tập lại các kiến thức đã học, làm bài tập củng cố được giao về nhà.

- Đọc trước bài Viết: Viết bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ.